

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2026/HS-ST

Ngày: 08 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Thẩm phán: Ông Sỹ Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tiến Lộc

2/ Ông Thiệu Đình Thu

3/ Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trần Quang Minh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 629/TLST-HS ngày 25/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3996/2026/QĐXXST-HS ngày 23/6/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Thị N**; giới tính: nữ; Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1988; tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 9B ấp Tân Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 9B ấp Tân Đ, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: ấp Dương Văn H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp Dương Văn H, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: thợ may; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị H; bị cáo có chồng và 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2024 (có mặt).

+ Bị hại:

1/ Bà Liễu Thị Kim X, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Lê Thị N1, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Bà Phạm Huỳnh Thanh H, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Lý T, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

5/ Bà Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

6/ Bà Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 9, ấp T, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

7/ Bà Đặng Bích H2, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

8/ Bà Hồ Thị K, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

9/ Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

10/ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

11/ Bà Cao Ngọc Q, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

12/ Bà Lê Đặng T3ỳ T2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh

13/ Bà Trần Thị K1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

14/ Bà Phạm Thị Kim H4, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

15/ Bà Phạm Thị Ngọc T3, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

16/ Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

17/ Bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh

+ **Người bào chữa:** Luật sư Cao Thị Kiều T5, Văn phòng Luật sư Kiều T5, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Ngô Thị N (có

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2017, Ngô Thị N đứng ra làm chủ hội rồi lập nhiều dây hội và rủ nhiều người dân trên địa bàn xã L, huyện C đồng ý tham gia đóng tiền chơi hội. Các dây hội do N làm chủ hội là loại hội có lãi, 01 tháng hốt hội một lần, 01 dây hội có số thành viên từ 25 đến 30 người, số tiền của mỗi thành viên đóng hàng tháng (hội chết) thấp nhất là 2.000.000 đồng và cao nhất là 5.000.000 đồng mỗi dây. Đến ngày hốt hội các thành viên trong dây hội sẽ đưa ra lãi xuất bằng phiếu kín để xác định người được hốt hội trong kỳ. Ai bỏ lãi suất cao nhất thì được hốt hội trước, các thành viên chưa hốt hội chỉ phải đóng phần hội sau khi trừ đi mức lãi suất mà người hốt hội đưa ra, còn các thành viên đã hốt hội trước đó phải đóng hội chết kể từ lần khai hội tiếp theo cho đến khi dây hội kết thúc. N có trách nhiệm thu tiền của các thành viên trong dây hội để giao cho người được hốt hội. Thành viên được hốt hội phải trả công cho N là 50% số tiền của một phần hội chết (tương ứng từ 1.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng).

Trong thời gian làm chủ hội, N còn đứng ra làm trung gian bán hội cho những người có nhu cầu mua hội, cụ thể như sau: Do mỗi dây hội chỉ một thành viên được hốt hội trong tháng, nhưng trong dây hội nhiều người có nhu cầu muốn hốt hội, nên sau khi khai hội thì những người chưa hốt hội có nhu cầu bán phần hội của mình thì nói cho N biết. N sẽ thông báo cho những người trong dây hội hoặc những người không cùng trong dây hội biết nếu họ có nhu cầu mua phần hội thì gặp và đưa tiền cho N, sau đó N giao lại cho người bán hội. Thành viên bán hội phải trả một khoản hoa hồng cho N là 50% số tiền của một phần hội chết. Khi đến tháng tiếp theo thì thành viên khác kêu hội bao nhiêu thì N lấy số tiền lãi người kêu đưa lại cho người mua trong 01 dây hội trước đó. Do người mua hội chỉ biết N mà không biết người bán đồng thời khi bán hội thì N có viết giấy và ký xác nhận nên người mua tin tưởng. Lợi dụng việc này, N đã đưa ra thông tin gian dối có người muốn bán hội để bán rồi lấy tiền của người mua hội dùng vào mục đích cá nhân. Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2022, N đã bán không 43 phần hội góp cho 17 người chơi hội, cụ thể như sau:

1. Ngày 02/6/2021, 15/01/2021, N bán cho bà Liễu Thị Kim X 02 phần hội với tổng số tiền là 95.520.000 đồng, N đã trả cho bà X được 33.000.000 đồng.

2. Ngày 15/01/2021, 25/3/2021, 02/4/2021, N bán cho bà Lê Thị N1 03 phần hội với tổng số tiền là 215.840.000 đồng, N đã trả cho bà N1 được 50.800.000 đồng.

3. Ngày 25/3/2022, N bán cho bà Phạm Huỳnh Thanh H 01 phần hội với số tiền là 84.960.000 đồng, N đã trả cho bà H được 10.000.000 đồng.

4. Ngày 25/3/2022, 27/10/2022, N bán cho bà Trần Thị L 02 phần hui với tổng số tiền là 161.140.000 đồng, N đã trả cho bà L được 9.000.000 đồng.

5. Ngày 25/3/2022, N bán cho bà Đỗ Thị Hồng T4 01 phần hui với số tiền là 84.960.000 đồng, N đã trả cho bà Thủy được 9.000.000 đồng.

6. Ngày 15/01/2021, 12/8/2021, 02/4/2022, N bán cho bà Huỳnh Thị Thanh H1 03 phần hui với tổng số tiền là 267.140.000 đồng, N đã trả cho bà H1 được 74.000.000 đồng.

7. Ngày 25/3/2022, N bán cho bà Đặng Bích H2 01 phần hui với số tiền là 87.600.000 đồng, N đã trả cho bà H2 được 11.960.000 đồng.

8. Ngày 15/01/2021, 25/3/2021, 12/8/2021, 02/4/2022, 10/8/2022, N bán cho bà Hồ Thị K 08 phần hui với tổng số tiền là 584.470.000 đồng, N đã trả cho bà K được 160.800.000 đồng.

9. Ngày 12/8/2022, N bán cho bà Phạm Thị H3 01 phần hui với số tiền là 75.900.000 đồng, N đã trả cho bà H3 được 21.000.000 đồng.

10. Ngày 15/01/2021, 25/9/2021, 02/3/2022, 25/4/2022, 20/5/2022, 10/8/2022, 12/8/2022, N bán cho bà Nguyễn Thị Kim T1 08 phần hui với tổng số tiền là 656.250.000 đồng, N đã trả cho bà T1 được 121.200.000 đồng

11. Ngày 20/3/2021, 02/4/2021, N bán cho bà Cao Ngọc Q 02 phần hui với tổng số tiền là 278.000.000 đồng, N đã trả cho bà Q được 34.500.000 đồng

12. Ngày 02/6/2022, 10/8/2022, 12/8/2022, N bán cho bà Lê Đặng Thùy T2 03 phần hui với tổng số tiền là 256.500.000 đồng, N đã trả cho bà T2 được 33.390.000 đồng.

13. Ngày 02/4/2022, 02/6/2022, N bán cho bà Trần Thị K1 02 phần hui với tổng số tiền là 260.100.000 đồng, N đã trả cho bà K1 được 28.000.000 đồng.

14. Ngày 02/12/2022, N bán cho bà Phạm Thị Kim H4 01 phần hui với số tiền là 172.000.000 đồng, N chưa trả được phần tiền nào cho bà H4.

15. Ngày 02/4/2021, 12/8/2021, N bán cho bà Phạm Thị Ngọc T3 02 phần hui với tổng số tiền là 219.000.000 đồng, N đã trả cho bà T3 được 45.000.000 đồng.

16. Ngày 05/10/2020, N bán cho bà Lê Thị Kim T4 02 phần hui với tổng số tiền là 95.040.000 đồng, N đã trả cho bà Thủy được 52.000.000 đồng.

17. Ngày 25/3/2022, N bán cho bà Phạm Thị Kim L1 01 phần hui với số tiền là 240.000.000 đồng, N đã trả cho bà L1 được 43.200.000 đồng.

Đến tháng 01/2023, N tuyên bố vỡ hui, tổng số tiền N đã chiếm đoạt của 17 người mua hui nêu trên là 3.097.570.000 đồng (đã trừ đi số tiền N trả trước đó).

Theo bản Kết luận giám định số 8137/KL-KTHS ngày 05/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “*Chữ ký*

dạng chữ viết tên “N”, chữ viết họ tên “Ngô Thị N” và chữ viết nội dung được đóng khung màu đỏ trên 45 bản chính “Hợp đồng chơi hụi” cần giám định so với chữ viết của Ngô Thị N trên 16 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.”

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Thị N khai nhận do bản thân thiếu hụt tiền trong quá trình làm chủ hụi các năm trước đây (nhiều người hót hụi xong nhưng không đóng tiền hụi chết nên N phải bỏ tiền bản thân ra để bù) do đó N cung cấp thông tin gian dối có người bán hụi để rủ rê, lôi kéo người dân mua hụi sau đó N sử dụng số tiền này để trả nợ cá nhân và bù tiền vào các dây hụi bị thiếu hụt. Lời khai của N phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng, vật chứng và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 sổ ô ly ghi hụi; 46 tờ giấy thể hiện nội dung Ngô Thị N bán hụi không.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Liễu Thị Kim X, Lê Thị N1, Phạm Huỳnh Thanh H, Trần Thị L, Đỗ Thị Hồng T4, Huỳnh Thị Thanh H1, Đặng Bích H2, Hồ Thị K, Phạm Thị H3, Nguyễn Thị Kim T1, Cao Ngọc Q, Lê Đặng Thùy T2, Trần Thị K1, Phạm Thị Kim H4, Phạm Thị Ngọc T3, Lê Thị Kim T5, Phạm Thị Kim L1, yêu cầu bị cáo N hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 371/CT-VKS-P2 ngày 17/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Ngô Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố nêu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Thị N từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Cao Thị Kiều T2 bào chữa cho bị cáo trình bày:

Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do quá trình bị cáo làm chủ hội thì có những người đóng không đầy đủ, hốt hội rồi không đóng lại giắt hội của bị cáo nên bị cáo phải choàng hội cho những phần hội còn sống cho những người đã hốt nên càng ngày bị cáo càng lún sâu vào nợ nần, bị cáo phải vay thêm 4,4 tỷ đồng ở ngoài để bù vào nên xin xem xét cho bị cáo. Bị cáo cha mất, mẹ già, có 2 con, có chồng đi bộ đội, trình độ văn hoá thấp, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bà ngoại của bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cậu của bị cáo là Liệt sĩ, chồng bị cáo được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang, bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử bị cáo mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị hại không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo thống nhất với quan điểm của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi các bị hại và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tổ tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo, các bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2022, tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh), Ngô Thị N đưa ra thông tin gian dối về việc có người chơi hội muốn bán lại các phần hội cho những người có nhu cầu mua hội. Do tin tưởng là thật nên các bà Liễu Thị Kim X, Lê Thị N1, Phạm Huỳnh Thanh H, Trần Thị L, Đỗ Thị Hồng T4, Huỳnh Thị Thanh H1, Đặng Bích H2, Hồ Thị K, Phạm Thị H3, Nguyễn Thị Kim T1, Cao Ngọc Q, Lê Đặng Thùy T2, Trần Thị K1, Phạm Thị Kim H4, Phạm Thị Ngọc T3, Lê Thị Kim T5, Phạm Thị Kim L1 đã mua 43 phần hội không có thật của N và bị N

chiếm đoạt tổng số tiền là 3.824.420.000 đồng, N đã trả lãi cho các bị hại số tiền 736.850.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.097.570.000 đồng.

Với hành vi đó, bị cáo Ngô Thị N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bà ngoại bị cáo được tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, chồng bị cáo được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì cần tiền tiêu xài trả nợ, bị cáo Ngô Thị N đã đưa thông tin gian dối bán 43 phần hội không có thật cho 17 bị hại để kiếm tiền tiêu xài, ngoài các phần hội bán không bị cáo còn vay mượn tiền của nhiều bị hại, tuyên bố vỡ hội rất nhiều đây hội có thật, tuy đây là các quan hệ dân sự không được xem xét trong vụ án nhưng qua đó cần xem xét ý thức chủ quan của bị cáo để có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa.

Do số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đã được cộng lại làm tình tiết định khung và cũng không có 2 lần bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên không áp dụng tình tiết “phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với những quan hệ hội khác không xác định có yếu tố hình sự và không bị truy tố xét xử trong vụ án này các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để được giải quyết.

[4] Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Ngô Thị N hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, cụ thể:

- Bà Liễu Thị Kim X số tiền 62.520.000 đồng
- Bà Lê Thị N1 số tiền 165.040.000 đồng
- Bà Phạm Huỳnh Thanh H số tiền 74.960.000 đồng
- Bà Trần Thị L số tiền 152.140.000 đồng
- Bà Đỗ Thị Hồng T4 số tiền 75.960.000 đồng
- Bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 193.140.000 đồng
- Bà Đặng Bích H2 số tiền 75.640.000 đồng
- Bà Hồ Thị K số tiền 423.670.000 đồng

- Bà Phạm Thị H3 số tiền 54.900.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Kim T1 số tiền 535.050.000 đồng
- Bà Cao Ngọc Q số tiền 243.500.000 đồng
- Bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 223.110.000 đồng
- Bà Trần Thị K1 số tiền 232.100.000 đồng
- Bà Phạm Thị Kim H4 số tiền 172.000.000 đồng
- Bà Phạm Thị Ngọc T3 số tiền 174.000.000 đồng
- Bà Lê Thị Kim T5 số tiền 43.040.000 đồng
- Bà Phạm Thị Kim L1 số tiền 196.800.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng:

01 sổ ô ly ghi hui, 46 tờ giấy giấy thể hiện nội dung Ngô Thị N bán không hui là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 7; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị N 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2024.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Ngô Thị N bồi thường cho 17 bị hại số tiền đã chiếm đoạt cụ thể như sau:

- Bà Liễu Thị Kim X số tiền 62.520.000 (sáu mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng

- Bà Lê Thị N1 số tiền 165.040.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng

- Bà Phạm Huỳnh Thanh H số tiền 74.960.000 (bảy mươi tư triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng

- Bà Trần Thị L số tiền 152.140.000 (một trăm năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng

- Bà Đỗ Thị Hồng T4 số tiền 75.960.000 (bảy mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng

- Bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 193.140.000 (một trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng
- Bà Đặng Bích H2 số tiền 75.640.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng
- Bà Hồ Thị K số tiền 423.670.000 (bốn trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng
- Bà Phạm Thị H3 số tiền 54.900.000 (năm mươi tư triệu chín trăm nghìn) đồng
- Bà Nguyễn Thị Kim T1 số tiền 535.050.000 (năm trăm ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng
- Bà Cao Ngọc Q số tiền 243.500.000 (hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng
- Bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 223.110.000 (hai trăm hai mươi ba triệu một trăm mười nghìn) đồng
- Bà Trần Thị K1 số tiền 232.100.000 (hai trăm ba mươi hai triệu một trăm nghìn) đồng
- Bà Phạm Thị Kim H4 số tiền 172.000.000 (một trăm bảy mươi hai triệu) đồng
- Bà Phạm Thị Ngọc T3 số tiền 174.000.000 (một trăm bảy mươi bốn triệu) đồng
- Bà Lê Thị Kim Thủy số tiền 43.040.000 (bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng
- Bà Phạm Thị Kim L1 số tiền 196.800.000 (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Dành quyền khởi kiện cho các bị hại trong vụ án này được quyền khởi kiện bị cáo Ngô Thị N bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu đối với các dây hụi được xác định là quan hệ dân sự trong vụ án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 sổ ô ly ghi hụi, 46 tờ giấy giấy thể hiện nội dung Ngô Thị N bán khống hụi.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 93.951.400 (chín mươi ba triệu chín trăm năm mươi một nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TAND tối cao; | (1) |
| - VKSND tối cao; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đường sự; | (17) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - THA Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Công an TP. HCM; | (1) |
| - Lưu, THS, hồ sơ (38) | (6) |

Vũ Thanh Lâm